

# **Công ty Cổ phần Siêu Thanh**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015



**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	8 - 34

# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, thiết bị máy công nghiệp khai khoáng - lâm nghiệp - xây dựng và linh kiện phụ tùng; thiết bị điện, vật liệu điện và thiết bị chữa cháy.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch	
Ông David Cam Hao Ong	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đình Nhu	Thành viên	
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên	
Ông Lê Văn Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Nam	Thành viên	
Ông Võ Văn Chính	Thành viên	
Ông Đỗ Quốc Lâm	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 1 năm 2015

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Thanh Hương	Trưởng ban
Bà Cái Kim Thoa	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Cúc Phương	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Tổng Giám đốc	
Ông David Cam Hao Ong	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Đình Nhu	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 3 năm 2015
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 3 năm 2015

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yung Cam Meng.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015



Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

**Building a better  
working world**

Số tham chiếu: 61194318/17770388/LR-HN

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Siêu Thanh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Siêu Thanh (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) được trình bày từ trang 4 đến trang 34 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Nhóm Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 23 tháng 3 năm 2015. Đồng thời, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó vào ngày 15 tháng 8 năm 2014.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

*Ernest Young Chin Kang*  
Ernest Young Chin Kang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1891-2013-004-1

Phạm Thị Cẩm Tú  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2266-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>262.972.730.141</b>	<b>263.983.739.464</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>104.494.701.496</b>	<b>94.251.672.245</b>
111	1. Tiền		26.251.701.496	50.068.291.145
112	2. Các khoản tương đương tiền		78.243.000.000	44.183.381.100
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>10.432.000.000</b>	<b>7.245.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.432.000.000	7.245.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>51.006.914.075</b>	<b>62.886.461.258</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	6	43.935.978.683	47.119.280.848
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	706.692.748	9.232.164.343
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	195.718.026	64.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	6.216.875.056	6.653.853.794
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(48.350.438)	(251.869.246)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	69.031.519
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>94.421.350.392</b>	<b>97.652.694.594</b>
141	1. Hàng tồn kho		94.945.019.381	97.895.964.563
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(523.668.989)	(243.269.969)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.617.764.178</b>	<b>1.947.911.367</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.495.692.949	988.471.206
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		897.757.164	854.152.257
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	224.314.065	105.287.904
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>121.777.577.577</b>	<b>124.681.505.006</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>5.682.274.918</b>	<b>6.800.426.402</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	4.756.065.902	5.597.701.402
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	926.209.016	1.202.725.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>34.204.949.081</b>	<b>34.267.302.860</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	20.904.163.227	20.961.294.504
222	Nguyên giá		48.638.373.769	47.453.544.922
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(27.734.210.542)	(26.492.250.418)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	13.300.785.854	13.306.008.356
228	Nguyên giá		13.682.473.347	13.682.473.347
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(381.687.493)	(376.464.991)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>66.672.251.631</b>	<b>67.736.283.633</b>
231	1. Nguyên giá		75.781.699.978	75.781.699.978
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(9.109.448.347)	(8.045.416.345)
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>8.080.800.000</b>	<b>8.080.800.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15	8.080.800.000	8.080.800.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.137.301.947</b>	<b>7.796.692.111</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	7.137.301.947	7.796.692.111
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>384.750.307.718</b>	<b>388.665.244.470</b>





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>36.360.388.119</b>	<b>53.094.314.980</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>34.596.165.334</b>	<b>52.010.543.980</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	11.784.638.931	25.926.786.668
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	1.648.776.267	2.942.145.728
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	8.940.795.247	9.500.748.159
314	4. Phải trả người lao động		4.612.766.449	4.436.658.804
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		744.252.970	699.293.216
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	3.200.542.747	4.840.518.682
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.664.392.723	3.664.392.723
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.764.222.785</b>	<b>1.083.771.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		1.083.771.000	1.083.771.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	680.451.785	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>348.389.919.599</b>	<b>335.570.929.490</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>348.389.919.599</b>	<b>335.570.929.490</b>
411	1. Vốn cổ phần	21.1	138.013.850.000	138.013.850.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	2.572.620.000	2.572.620.000
415	3. Cổ phiếu quỹ	21.1	(2.206.190.840)	(2.206.190.840)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	21.1	17.682.346.542	17.682.346.542
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	142.098.234.308	131.967.201.204
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		118.226.816.204	76.978.643.373
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		23.871.418.104	54.988.557.831
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		50.229.059.589	47.541.102.584
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>384.750.307.718</b>	<b>388.665.244.470</b>



  
Trịnh Thị Thanh Nhân  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
  
Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc


Ngày 27 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	600.731.761.236	499.405.489.267
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(1.119.547.248)	(366.901.149)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	599.612.213.988	499.038.588.118
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(497.776.889.272)	(411.923.814.557)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		101.835.324.716	87.114.773.561
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	3.505.011.517	1.880.135.011
22	7. Chi phí tài chính		(39.323)	(17.690)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(41.181.292.792)	(34.107.541.690)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(26.605.176.958)	(22.997.011.875)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		37.553.827.160	31.890.337.317
31	11. Thu nhập khác	26	1.107.041.115	1.008.922.073
32	12. Chi phí khác	26	(387.620.941)	(616.606.882)
40	13. Lợi nhuận khác	26	719.420.174	392.315.191
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		38.273.247.334	32.282.652.508
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(7.825.420.440)	(7.032.726.388)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.1	(680.451.785)	-
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		29.767.375.109	25.249.926.120
61	18. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		23.871.418.104	22.626.657.932
62	19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát		5.895.957.005	2.623.268.188
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.448	1.372
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30		1.372

  
Trịnh Thị Thanh Nhân  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng



  
Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>38.273.247.334</b>	<b>32.282.652.508</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13, 14	4.251.965.698	5.217.936.747
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		76.880.212	(236.208.928)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.722.556.506)	(1.741.781.236)
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>38.879.536.738</b>	<b>35.522.599.091</b>
09	Giảm các khoản phải thu		13.376.086.407	15.979.975.965
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.941.925.802	(28.789.277.939)
11	Giảm các khoản phải trả		(17.582.579.697)	(23.957.205.310)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		152.168.421	(11.049.588)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28.2	(8.383.557.889)	(8.536.033.912)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>28.383.579.782</b>	<b>(9.790.991.693)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(3.279.559.262)	(1.906.967.994)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.495.454.545	19.764.186.343
23	Tiền chi cho vay		(10.087.000.000)	-
24	Tiền hồi khoản cho vay		6.900.000.000	-
27	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.052.600.686	1.734.042.892
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.918.504.031)</b>	<b>19.591.261.241</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Cổ tức đã trả		(16.222.046.500)	(14.818.091.350)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(16.222.046.500)</b>	<b>(14.818.091.350)</b>
50	<b>Tăng (giảm) thuần tiền và tương đương tiền trong kỳ</b>		<b>10.243.029.251</b>	<b>(5.017.821.802)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	94.251.672.245	83.721.906.105
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	104.494.701.496	78.704.084.303

  
Trịnh Thị Thanh Nhân  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Siêu Thanh và các công ty con như sau:

### *Công ty*

Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, thiết bị máy công nghiệp khai khoáng - lâm nghiệp - xây dựng và linh kiện phụ tùng; thiết bị điện, vật liệu điện và thiết bị chữa cháy.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 710 (31 tháng 12 năm 2014: 710).

### *Các công ty con*

#### *Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh*

Công ty nắm giữ 90,00% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Thiết bị văn phòng Siêu Thanh ("TBVP Siêu Thanh"), hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312992783 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của TBVP Siêu Thanh là mua bán thiết bị văn phòng, máy fax, máy photocopy, vật tư ngành in và phụ tùng.

#### *Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh*

Công ty nắm giữ 55,06% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh ("Ô tô Kim Thanh"), hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103010901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Kim Thanh là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng ô tô.

#### *Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh*

Công ty nắm giữ 58,23% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh ("Ô tô Cường Thanh"), hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0305273107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 10 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Cường Thanh là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng ô tô.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VNĐ.

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi sau:

##### 3.1.1 *Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này như đã đề cập tại Thuyết minh số 35.

##### 3.1.2 *Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, thay thế Phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

#### 3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng hóa – Ô tô nguyên chiếc - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng hóa – Thiết bị văn phòng - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	4 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Các tài sản khác	3 - 6 năm

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	46 năm
Nhà cửa	25 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

#### 3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.10 *Các khoản đầu tư*

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ), được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

##### Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

##### Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

##### Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.16 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.17 Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu và trình bày*

##### **Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư chứng khoán để kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, cho bên liên quan vay, phải thu khách hàng, phải thu các bên liên quan và phải thu khác.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Công cụ tài chính (tiếp theo)**

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	231.863.336	285.512.143
Tiền gửi ngân hàng	26.019.838.160	49.782.779.002
Các khoản tương đương tiền	78.243.000.000	44.183.381.100
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>104.494.701.496</u></b>	<b><u>94.251.672.245</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,0% đến 6,5% một năm.

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Số dư thể hiện các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn, Chi nhánh Nguyễn Công Trứ và hưởng lãi suất dao động từ 6,45% đến 6,50% một năm.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Phải thu các bên không phải bên liên quan	43.935.978.683	47.119.280.848
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(48.350.438)</u>	<u>(251.869.246)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>43.887.628.245</u></b>	<b><u>46.867.411.602</u></b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Trả trước cho các bên không phải bên liên quan	<u>706.692.748</u>	<u>9.232.164.343</u>

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN**

Số dư thể hiện khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn không lãi suất đối với các nhân viên của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. PHẢI THU KHÁC**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	2.804.245.576	2.100.690.955
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	2.594.573.636	4.040.454.546
Ký quỹ, ký cược	341.199.369	380.395.922
Phải thu cổ tức	337.500.000	-
Phải thu khác	139.356.475	132.312.371
	<u>6.216.875.056</u>	<u>6.653.853.794</u>
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	797.125.000	1.202.725.000
Phải thu khác	129.084.016	-
	<u>926.209.016</u>	<u>1.202.725.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.143.084.072</u></b>	<b><u>7.856.578.794</u></b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Hàng hóa	92.181.783.495	97.827.978.335
Công cụ và dụng cụ	2.723.818.938	8.300.000
Nguyên vật liệu	39.416.948	59.686.228
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>94.945.019.381</u></b>	<b><u>97.895.964.563</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(523.668.989)</u>	<u>(243.269.969)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>94.421.350.392</u></b>	<b><u>97.652.694.594</u></b>

*Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Số đầu kỳ	243.269.969	2.514.192.086
Trích lập dự phòng trong kỳ	280.399.020	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(189.184.001)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>523.668.989</u></b>	<b><u>2.325.008.085</u></b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	124.984.898	5.958.737
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (Thuyết minh số 28.2)	99.329.167	99.329.167
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>224.314.065</u></b>	<b><u>105.287.904</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
						VNĐ
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9.361.117.493	18.749.533.350	11.827.260.946	3.973.859.083	3.541.774.050	47.453.544.922
Tăng trong kỳ	-	1.212.601.589	2.980.709.053	-	-	4.193.310.642
<b>Trong đó:</b>						
Mua mới	-	298.850.209	2.980.709.053	-	-	3.279.559.262
Chuyển qua từ hàng tồn kho	-	913.751.380	-	-	-	913.751.380
Thanh lý	-	-	(3.008.481.795)	-	-	(3.008.481.795)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	9.361.117.493	19.962.134.939	11.799.488.204	3.973.859.083	3.541.774.050	48.638.373.769
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	1.461.421.000	4.445.272.582	850.800.000	3.862.507.768	3.461.774.050	14.081.775.400
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.826.166.693	11.996.352.045	3.417.474.462	3.813.126.869	3.439.130.349	26.492.250.418
Khấu hao trong kỳ	163.058.485	1.590.416.285	1.181.428.036	155.164.692	92.643.696	3.182.711.194
Chuyển qua từ hàng tồn kho	-	(95.268.000)	-	-	-	(95.268.000)
Thanh lý	-	-	(1.845.483.070)	-	-	(1.845.483.070)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	3.989.225.178	13.491.500.330	2.753.419.428	3.968.291.561	3.531.774.045	27.734.210.542
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	5.534.950.800	6.753.181.305	8.409.786.484	160.732.214	102.643.701	20.961.294.504
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	5.371.892.315	6.470.634.609	9.046.068.776	5.567.522	10.000.005	20.904.163.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VNĐ			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2015	13.290.340.860	233.622.487	158.510.000	13.682.473.347
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	202.287.487	158.510.000	360.797.487
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	217.954.991	158.510.000	376.464.991
Hao mòn trong kỳ	-	5.222.502	-	5.222.502
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	-	223.177.493	158.510.000	381.687.493
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	13.290.340.860	15.667.496	-	13.306.008.356
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	13.290.340.860	10.444.994	-	13.300.785.854

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	VNĐ		
	Nhà cửa	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2015	26.320.699.978	49.461.000.000	75.781.699.978
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	4.819.708.345	3.225.708.000	8.045.416.345
Hao mòn trong kỳ	526.414.002	537.618.000	1.064.032.002
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	5.346.122.347	3.763.326.000	9.109.448.347
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	21.500.991.633	46.235.292.000	67.736.283.633
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	20.974.577.631	45.697.674.000	66.672.251.631

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế, Ban Tổng Giám Đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	30 tháng 6 năm 2015		31 tháng 12 năm 2014	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ
Công ty Cổ phần Điện Cơ	258.900	3.580.800.000	258.900	3.580.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. HCM	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>8.080.800.000</b>		<b>8.080.800.000</b>

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Công cụ và dụng cụ	3.580.967.535	4.393.772.020
Tiền thuê đất	2.982.719.091	3.181.565.091
Khác	573.615.321	221.355.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.137.301.947</b>	<b>7.796.692.111</b>

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Phải trả cho các bên không phải bên liên quan	11.784.638.931	25.926.786.668
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Ricoh Việt Nam	7.541.594.348	22.511.633.342
Khác	4.243.044.583	3.415.153.326

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Nhận tiền trước từ các bên không phải bên liên quan	1.648.776.267	2.942.145.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VNĐ			
	31 tháng 12 năm 2014	Số phải trả trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	30 tháng 6 năm 2015
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28.2)	6.171.517.370	7.825.420.440	(8.383.557.889)	5.613.379.921
Thuế giá trị gia tăng	2.841.962.069	9.537.825.692	(10.123.975.640)	2.255.812.121
Thuế thu nhập cá nhân	381.980.816	1.977.698.020	(1.512.389.696)	847.289.140
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.395.460.255</b>	<b>19.340.944.152</b>	<b>(20.019.923.225)</b>	<b>8.716.481.182</b>
Trong đó:				
Thuế được hoàn	(105.287.904)			(224.314.065)
Thuế phải trả	9.500.748.159			8.940.795.247

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Nhận ký quỹ, ký cược	1.866.354.817	2.039.646.411
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	116.519.993	115.693.421
Cổ tức phải trả	25.805.125	24.025.775
Phải trả khác	1.191.862.812	2.661.153.075
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.200.542.747</b>	<b>4.840.518.682</b>

## Công ty Cổ phần Siêu Thanh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
							VNĐ
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	125.525.230.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	3.880.961.542	12.552.523.000	116.948.033.373	259.273.177.075
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	22.626.657.932	22.626.657.932
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(12.491.523.000)	(12.491.523.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	125.525.230.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	3.880.961.542	12.552.523.000	127.083.168.305	269.408.312.007
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	138.013.850.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	3.880.961.542	13.801.385.000	131.967.201.204	288.029.826.906
Trình bày lại (Thuyết minh số 35)	-	-	-	13.801.385.000	(13.801.385.000)	-	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)	138.013.850.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	17.682.346.542	-	131.967.201.204	288.029.826.906
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	23.871.418.104	23.871.418.104
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(13.740.385.000)	(13.740.385.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	138.013.850.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	17.682.346.542	-	142.098.234.308	298.160.860.010

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2014 ngày 18 tháng 4 năm 2015, cổ đông của Nhóm Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu bằng 20% mệnh giá thông qua việc phát hành cổ phiếu và niêm yết số cổ phiếu chia cổ tức này trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh để tăng vốn điều lệ của Công ty.

Vào ngày 20 tháng 7 năm 2015, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu trên và được chấp thuận thông qua Giấy CNĐKKD điều chỉnh lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 7 năm 2015.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
<b>Vốn cổ phần</b>		
Vốn đầu kỳ và cuối kỳ	<u>138.013.850.000</u>	<u>125.525.230.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	13.740.385.000	12.491.523.000
Cổ tức đã trả	13.060.507.000	12.490.091.350

**21.3 Cổ phiếu**

	30 tháng 6 năm 2015	Số cổ phiếu 31 tháng 12 năm 2014
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.801.385	13.801.385
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.801.385	13.801.385
Cổ phiếu quỹ	(61.000)	(61.000)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.740.385	13.740.385

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>600.731.761.236</b>	<b>499.405.489.267</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	575.113.552.621	472.360.024.144
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.201.503.615	25.714.929.123
Doanh thu cho thuê	1.416.705.000	1.330.536.000
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(1.119.547.248)</b>	<b>(366.901.149)</b>
<i>Trong đó:</i>		
Chiết khấu thương mại	(1.097.549.336)	(329.041.149)
Hàng bán bị trả lại	(21.997.912)	(37.860.000)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<u><b>599.612.213.988</b></u>	<u><b>499.038.588.118</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU (tiếp theo)**

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
		VNĐ
Cổ tức được chia	1.839.120.000	-
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	1.550.980.686	1.878.229.758
Khác	114.910.831	1.905.253
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.505.011.517</u></b>	<b><u>1.880.135.011</u></b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
		VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã bán	492.831.191.995	407.495.655.134
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.181.571.391	3.364.127.421
Giá vốn cho thuê	764.125.886	1.064.032.002
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>497.776.889.272</u></b>	<b><u>411.923.814.557</u></b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
		VNĐ
Chi phí lương	35.356.461.445	28.417.859.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.718.324.982	1.475.555.737
Chi phí khác	3.106.506.365	4.214.126.498
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>41.181.292.792</u></b>	<b><u>34.107.541.690</u></b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
		VNĐ
Chi phí lương	12.116.054.278	10.619.666.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.489.830.226	8.331.704.976
Chi phí khác	2.999.292.454	4.045.640.161
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>26.605.176.958</u></b>	<b><u>22.997.011.875</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.107.041.115</b>	<b>1.008.922.073</b>
Tiền thưởng và hỗ trợ	689.371.478	480.000.000
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	332.455.820	495.232.243
Thu nhập khác	85.213.817	33.689.830
<b>Chi phí khác</b>	<b>(387.620.941)</b>	<b>(616.606.882)</b>
Chi phí từ thanh lý tài sản cố định	-	(487.493.899)
Chi phí khác	(387.620.941)	(129.112.983)
<b>LỢI NHUẬN THUẦN</b>	<b><u>719.420.174</u></b>	<b><u>392.315.191</u></b>

**27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	493.524.923.574	406.705.877.810
Chi phí lương	47.472.515.723	39.037.526.193
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.208.155.208	9.807.260.713
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12, 13, 14)	4.251.965.698	5.217.936.747
Chi phí khác	6.105.798.819	8.259.766.659
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>565.563.359.022</u></b>	<b><u>469.028.368.122</u></b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.1 Thuế TNDN**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.825.420.440	7.032.726.388
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	680.451.785	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.505.872.225</u></b>	<b><u>7.032.726.388</u></b>

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và thu nhập chịu thuế:

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>38.273.247.334</b>	<b>32.282.652.508</b>
<b>Các khoản điều chỉnh:</b>		
Các khoản thanh toán không liên quan đến thu nhập chịu thuế	332.172.796	440.067.818
Cổ tức nhận được	(1.839.120.000)	-
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư ở công ty con	1.667.368.800	-
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b><u>38.433.668.930</u></b>	<b><u>32.722.720.326</u></b>
Lỗ từ công ty con năm trước chuyển sang	(2.863.576.019)	(755.782.199)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>35.570.092.911</b>	<b>31.966.938.127</b>
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính</b>	<b>7.825.420.440</b>	<b>7.032.726.388</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	6.171.517.370	5.977.116.877
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(8.383.557.889)	(8.536.033.912)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b><u>5.613.379.921</u></b>	<b><u>4.473.809.353</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả	5.712.709.088	4.573.138.520
Thuế TNDN được hoàn	(99.329.167)	(99.329.167)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty ghi nhận thuế TNDN hoãn lại như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ở công ty con	680.451.785	-	680.451.785	-

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các thành viên quản lý chủ chốt của Nhóm Công ty bao gồm các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, phải thu từ cho vay các thành viên quản lý chủ chốt là 2.882.616.000 VNĐ (31 tháng 12 năm 2014: 3.500.526.000 VNĐ).

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lương và các lợi ích khác	3.114.788.071	2.657.836.608

**30. LÃI TRÊN MỖI CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế của công ty mẹ (VNĐ)	23.871.418.104	22.626.657.932
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	16.488.209	16.488.209
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	1.448	1.372
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ)	1.448	1.372

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty có tiền mặt, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như trình bày sau đây:

#### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư tài chính.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Nhóm Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Nhóm Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Nhóm Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty không có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VNĐ.

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty không có rủi ro trọng yếu về giá cổ phiếu.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro tín dụng** (tiếp theo)

*Tiền gửi ngân hàng*

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng đã chiết khấu:

	VNĐ		
	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>30 tháng 6 năm 2015</b>			
Phải trả người bán	11.784.638.931	-	11.784.638.931
Các khoản phải trả khác	3.200.542.747	1.083.771.000	4.284.313.747
	<b>14.985.181.678</b>	<b>1.083.771.000</b>	<b>16.068.952.678</b>
<b>31 tháng 12 năm 2014</b>			
Phải trả người bán	25.926.786.668	-	25.926.786.668
Các khoản phải trả khác	4.840.518.682	1.083.771.000	5.924.289.682
	<b>30.767.305.350</b>	<b>1.083.771.000</b>	<b>31.851.076.350</b>

**Tài sản đảm bảo**

Nhóm Công ty không thể chấp hoặc nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây bao gồm giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VNĐ
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng	
<b>Các tài sản tài chính</b>					
Đầu tư vào công ty khác	8.080.800.000	-	8.080.800.000	-	8.080.800.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.432.000.000	-	7.245.000.000	-	10.432.000.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn	43.935.978.683	(48.350.438)	47.119.280.848	(251.869.246)	43.887.628.245
Phải thu về cho vay các bên liên quan	4.951.783.928	-	5.661.701.402	-	4.951.783.928
Phải thu ngắn hạn khác	6.216.875.056	-	6.653.853.794	-	6.216.875.056
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.494.701.496	-	94.251.672.245	-	104.494.701.496
<b>Tổng cộng</b>	<b>178.112.139.163</b>	<b>(48.350.438)</b>	<b>169.012.308.289</b>	<b>(251.869.246)</b>	<b>178.063.788.725</b>
					<b>168.760.439.043</b>
					VNĐ
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Phải trả người bán ngắn hạn	11.784.638.931	25.926.786.668	11.784.638.931	25.926.786.668	25.926.786.668
Các khoản phải trả khác	4.284.313.747	5.924.289.682	4.284.313.747	5.924.289.682	5.924.289.682
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.068.952.678</b>	<b>31.851.076.350</b>	<b>16.068.952.678</b>	<b>31.851.076.350</b>	<b>31.851.076.350</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Ngoại trừ các khoản được đề cập trong đoạn trên, giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và quyết định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không khác biệt lớn so với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**33. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Dưới 1 năm	2.520.000.000	2.520.000.000
Từ 1 đến 5 năm	5.040.000.000	6.300.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.560.000.000</b>	<b>8.820.000.000</b>

**34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	VNĐ			
	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Ô tô</i>	<i>Các khoản loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	124.207.279.387	476.524.481.849	-	600.731.761.236
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.119.547.248)	-	-	(1.119.547.248)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	4.957.804.878	20.436.132	(4.978.241.010)	-
Doanh thu bộ phận	128.045.537.017	476.544.917.981	(4.978.241.010)	599.612.213.988
Chi phí bộ phận	(104.493.461.141)	(466.048.138.891)	4.978.241.010	(565.563.359.022)
Lợi nhuận bộ phận	23.552.075.876	10.496.779.090	-	34.048.854.966
Thu nhập tài chính				3.504.972.194
Thu nhập khác				719.420.174
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(8.505.872.225)
Lợi nhuận kế toán sau thuế				29.767.375.109
Tài sản bộ phận	410.634.946.858	104.192.398.200	(130.077.037.340)	384.750.307.718
Nợ phải trả bộ phận	26.902.566.005	11.635.370.329	(2.177.548.215)	36.360.388.119
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	103.972.226.460	395.433.262.807	-	499.405.489.267
Các khoản giảm trừ doanh thu	(366.901.149)	-	-	(366.901.149)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	2.020.497.280	899.929.167	(2.920.426.447)	-
Doanh thu bộ phận	105.625.822.591	396.333.191.974	(2.920.426.447)	499.038.588.118
Chi phí bộ phận	(82.311.931.650)	(389.636.862.919)	2.920.426.447	(469.028.368.122)
Lợi nhuận bộ phận	23.313.890.941	6.696.329.055	-	30.010.219.996
Thu nhập tài chính				1.880.117.321
Thu nhập khác				392.315.191
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(7.032.726.388)
Lợi nhuận kế toán sau thuế				25.249.926.120
Tài sản bộ phận	302.324.059.904	102.070.581.001	(15.729.396.435)	388.665.244.470
Nợ phải trả bộ phận	55.044.545.018	13.779.166.397	(15.729.396.435)	53.094.314.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	VNĐ		
	31 tháng 12 năm 2014 (trình bày trước đây)	Trình bày lại	31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Các khoản tương đương tiền	51.083.381.100	(6.900.000.000)	44.183.381.100
Các khoản đầu tư ngắn hạn	345.000.000	(345.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	7.245.000.000	7.245.000.000
Phải thu từ cho vay ngắn hạn	-	64.000.000	64.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.172.766.917	2.481.086.877	6.653.853.794
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	69.031.519	69.031.519
Các tài sản ngắn hạn khác	2.614.118.396	(2.614.118.396)	-
Phải thu từ cho vay dài hạn	-	5.597.701.402	5.597.701.402
Các khoản phải thu dài hạn khác	5.597.701.402	(4.394.976.402)	1.202.725.000
Các tài sản dài hạn khác	1.202.725.000	(1.202.725.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	3.880.961.542	13.801.385.000	17.682.346.542
Quỹ dự phòng tài chính	13.801.385.000	(13.801.385.000)	-

Chỉ tiêu	VNĐ		
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (trình bày trước đây)	Trình bày lại	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (được trình bày lại)

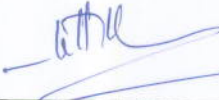
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**


Thay đổi khoản phải thu	15.590.335.176	389.640.789	15.979.975.965
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	586.046.589	(586.046.589)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(196.405.800)	196.405.800	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**36. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngoài sự kiện được trình bày ở Thuyết minh số 21, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

  
Trịnh Thị Thanh Nhân  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
SIÊU THANH  
QUẬN YUNG CẦM MÈNG  
TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày 27 tháng 8 năm 2015